

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2020/DS-ST

Ngày: 10/8/2020

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chót

Bà Nguyễn Thị Mơ

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST- DS ngày 03/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST – DS ngày 22/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1962

Nơi cư trú: Số 124/1 ấp An Khương, xã Mỹ An, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1981.

Nơi cư trú số 251 ấp TH, xã TA, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Số 84/1 Số 84/1 ấp AK, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lưu Thị N, sinh năm 1962

2. Anh Phạm Văn N, sinh năm 1989

3. Anh Phạm Văn P, sinh năm 1989

4. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Số 124/1 Số 84/1 ấp AK, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

5. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Số 219/TB Số 84/1 ấp TK, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của các ông (bà) Lưu Thị N, Phạm Văn N, Phạm Văn P, Phạm Thị T và Phạm Thị H là ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1981 nơi cư trú số 251 ấp TH, xã TA, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

6. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1962.

7. Anh Trần Việt P, sinh năm 1986

8. Anh Trần Nhựt B, sinh năm 1988

9. Anh Trần Thanh Đ, sinh năm 1991

10. Chị Trần Nhựt T, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Số 84/1 ấp AK, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của các ông (bà) Ngô Thị L, Trần Việt P, Trần Nhựt B, Trần Thanh Đ và Trần Nhựt Th là ông Trần Văn N theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2020.

(Các đương sự có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Khôi trình bày:

Ông Phạm Văn H có 02 thửa đất thửa 78 có diện tích 3.393 m² và thửa 52 có diện tích 7.012 m² cùng tờ bản đồ số 35, loại đất trồng lúa. Hai thửa đất trên giáp ranh với phần đất liền kề của ông Trần Văn N là thửa 77, tờ bản đồ số 35 có diện tích 4.601,3 m² và thửa 39 có diện tích 6.373,6 m² tờ bản đồ số 36 các thửa đất trên cùng tọa lạc tại ấp An Khương xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Qua thời gian cải tạo đất hiện các trụ ranh đất đã bị thất lạc ông Nhựt đã lấn sang phần đất của ông Phạm Văn H ở hai thửa 78, 52.

Ông Phạm Văn H và gia đình ông Trần Văn N không thỏa thuận được việc cấm lại các ranh đất đã thất lạc, có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Mỹ An tiến hành hòa giải nhưng không thành. Ông Hoàng khởi kiện yêu cầu ông Nhựt phải trả lại phần đất lấn chiếm đối với thửa 77 của ông Nhựt giáp với thửa 78 của ông Hoàng chiều ngang 0,5 mét, chiều dài 206,78 mét với diện tích lấn chiếm là 103,39 m². Thửa 39 của ông Nhựt giáp với thửa đất số 52 của ông Hoàng chiều ngang 0,3 mét, chiều dài 194,63 mét với diện tích lấn chiếm là 58,38 m².

Qua đo đạc thực tế phần đất tranh chấp lớn hơn yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Phạm Văn H khởi kiện bổ sung, yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn N và các thành viên của gia đình ông Nhựt trả lại phần đất đã lấn chiếm đối với thửa 78 diện tích $177,5 \text{ m}^2$ (thửa 78a ($5,3 \text{ m}^2$) + 78b ($67,5 \text{ m}^2$) + 78c ($54,6 \text{ m}^2$) + 78d ($50,1 \text{ m}^2$)) thuộc một phần thửa đất số 78, tờ bản đồ số 35 và thửa 52 diện tích $176,9 \text{ m}^2$ (thửa 52a ($3,2 \text{ m}^2$) + 52b ($4,4 \text{ m}^2$) + 52c ($169,3 \text{ m}^2$)) thuộc một phần thửa đất số 52, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre trên phần đất tranh chấp không có cây trồng, công trình và tài sản gắn liền với đất.

Ông Phạm Văn H đồng ý với họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 39, 52, 77, 78 tờ bản đồ số 35, 36 xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thạnh Phú ký ngày 21/10/2019; đồng ý biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 18/12/2018 của Hội đồng định giá huyện Thạnh Phú với giá đất là 100.000 đồng/m^2 không có yêu cầu đo đạc, định giá lại. Trên đất tranh chấp là đất vuông nuôi tôm không có cây trồng và tài sản gắn liền với đất.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn N; đồng thời là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đất của ông là thửa 77 diện tích $4.601,3 \text{ m}^2$, tờ bản đồ số 35 và thửa 39 diện tích $6.373,6 \text{ m}^2$, tờ bản đồ số 36 giáp với đất của ông Phạm Văn H thửa 78 diện tích 3.393 m^2 và thửa 52 diện tích 7.012 m^2 cùng tờ bản đồ số 35, loại đất trồng lúa. Đất của ông có nguồn gốc cha mẹ cho và một phần nhận chuyển nhượng của người khác. Quá trình sử dụng đất ông không có lấn ranh đất ông Hoàng, không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng với ranh đất mà ông được nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho ông.

Ông đồng ý với họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 39, 77 của ông và thửa 52, 78 cùng tờ bản đồ số 35, 36 của ông Phạm Văn H đất tọa lạc xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thạnh Phú ký ngày 21/10/2019; đồng ý biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 18/12/2018 của Hội đồng định giá huyện Thạnh Phú với giá đất là 100.000 đồng/m^2 không có yêu cầu đo đạc, định giá lại. Trên đất tranh chấp là đất vuông nuôi tôm không có cây trồng và tài sản gắn liền với đất.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Trần Văn N và các thành viên của gia đình ông Nhựt trả lại phần đất đã lấn chiếm.

- Đối với thửa 78 yêu cầu trả diện tích $127,4 \text{ m}^2$ (thửa 78a ($5,3 \text{ m}^2$) + 78b ($67,5 \text{ m}^2$) + 78c ($54,6 \text{ m}^2$)) thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 35.

Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích 50,1 m² (thửa 78d (50,1 m²) thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại ấp An Khương, xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đối với thửa 52 yêu cầu trả diện tích 7,6 m² (thửa 52a (3,2 m²) + 52b (4,4 m²) + 52c (169,3 m²)) thuộc một phần thửa 52, tờ bản đồ số 35.

Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích 169,3 m² (thửa 52c (169,3 m²) thuộc một phần thửa 52, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại ấp An Khương, xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn ông Trần Văn N không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản về việc định giá tài sản tranh chấp ngày ngày 18/12/2018 và tại phiên tòa các đương sự thống nhất giá đất là 100.000 đồng/m². Trên phần đất tranh chấp giữa thửa 52, 78 của ông Hoàng với thửa 39, 77 của ông Nhựt là đất nguyên thửa, cả hai bên sử dụng để nuôi trồng thủy sản, giữa hai phần đất này không có bờ (ranh) hoặc công trình kiến trúc để phân biệt hai phần đất và trên đất tranh chấp không có cây trồng hoặc tài sản gắn liền với đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ vào họa đồ địa chính, diện tích của các thửa 52, 77 của ông Phạm Văn H và thửa 39, 77 cùng tờ bản đồ số 35, 36 của ông Trần Văn N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; so sánh với họa đồ hiện trạng sử dụng đất thực tế của hai bên được đo đạc ngày 21/10/2019 thể hiện phần đất thửa 77 của ông Nhựt đã lấn sang thửa 78 của ông Hoàng là 177,5 m² và thửa 39 của ông Nhựt đã lấn sang thửa 52 của ông Hoàng là 176,9 m² nên yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H là căn cứ. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 50,1 m² thuộc một phần thửa 78 và phần diện tích 169,3 m² thuộc một phần thửa 52 là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật và phù hợp theo qui định điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của Phạm Văn H vụ án có quan hệ “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, đất tranh chấp tọa lạc tại xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú và bị đơn Trần Văn N có nơi cư trú tại ấp An Khương, xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

2. Về nội dung tranh chấp:

[1] Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế tại thửa 78 có diện tích $127,4 \text{ m}^2$ (thửa 78a ($5,3 \text{ m}^2$) + 78b ($67,5 \text{ m}^2$) + 78c ($54,6 \text{ m}^2$) thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 35 và thửa 52 có diện tích $7,6 \text{ m}^2$ (thửa 52a ($3,2 \text{ m}^2$) + 52b ($4,4 \text{ m}^2$) thuộc một phần thửa 52, tờ bản đồ số 35 do hộ ông Phạm Văn H đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp An Khương, xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Tại văn bản số 997/VPĐK- TTLT ngày 19/8/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bến Tre (BL 57) và căn cứ vào quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 52, 77, 78 tờ bản đồ số 35 và thửa 39, tờ bản đồ số 36 thể hiện thửa 78 có diện tích 3.393 m^2 và thửa 52 có diện tích 7.012 m^2 được Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Văn Hoàng vào ngày 31/7/2007. Thửa 39 có diện tích 6.374 m^2 và thửa 77 có diện tích 4.601 m^2 . Thửa đất số 39, 77 của ông Nhựt có nguồn gốc từ cha mẹ cho và một phần nhận chuyển nhượng, các phần đất này ông Nhựt được Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 07/01/1995 (BL 65) với các thửa 638, 706, 743, 748, 753, 851 cùng tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp An Khương, xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Các thửa đất 638, 706, 743, 748, 753, 851 cùng tờ bản đồ số 3 qua đo đạc chính quy thành thửa 39, 77, tờ bản đồ số 35, 36 được Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú cấp cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn N vào ngày 03/3/2011.

[3] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Trần Văn N thừa nhận, đất của ông có nguồn gốc từ cha mẹ cho và nhận chuyển nhượng từ người khác, ông đã được Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 1995. Ông đã quản lý, sử dụng ổn định theo ranh đất do nhà nước quản lý. Ông được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 39 có diện tích 6.374 m^2 và thửa 77 có diện tích 4.601 m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03/3/2011. Sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để giao dịch dân sự thế chấp vay vốn tại Ngân hàng. Ông đồng ý với diện tích và ranh đất do nhà nước

cấp đổi cho ông ở hai thửa 39, 77 ông yêu cầu Tòa án căn cứ vào diện tích và ranh địa chính do nhà nước quản lý tại hai thửa 39 và thửa 77 để giải quyết vụ án.

[4] Xét họa đồ địa chính của thửa 78, 52 tờ bản đồ số 35 được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn H ngày 31/7/2007 và họa đồ địa chính thửa 77 tờ bản đồ số 35, thửa 39 tờ bản đồ số 36 của ông Trần Văn N được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Phú cấp cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn N vào ngày 03/3/2011 so sánh với Họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 52, 78 của ông Hoàng và thửa 39 và thửa 77 của ông Nhựt được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Phú đo đạc ký ngày 21/10/2019 thể hiện toàn bộ diện tích, ranh địa chính của các thửa đất phù hợp theo hồ sơ địa chính và đúng với diện tích mà các bên được cấp quyền sử dụng.

[5] Ông Trần Văn N cho rằng ông sử dụng đất hai thửa 39, 77 là đúng theo ranh địa chính nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông vào ngày 03/3/2011 nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Căn cứ vào họa đồ hiện trạng sử dụng đất thực tế của hai bên thể hiện thửa 77 của ông Nhựt đã lấn sang thửa 78 của ông Hoàng là $177,5 \text{ m}^2$ (thửa 78a $(5,3 \text{ m}^2)$ + 78b $(67,5 \text{ m}^2)$ + 78c $(54,6 \text{ m}^2)$ + 78d $(50,1 \text{ m}^2)$ và thửa 39 của ông Nhựt đã lấn sang thửa 52 của ông Hoàng là $176,9 \text{ m}^2$ (thửa 52a $(3,2 \text{ m}^2)$ + 52b $(4,4 \text{ m}^2)$ + 52c $(169,3 \text{ m}^2)$). Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích $50,1 \text{ m}^2$ (thửa 78d) thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại ấp An Khương, xã Mỹ An, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre và phần diện tích $169,3 \text{ m}^2$ (thửa 52c) thuộc một phần thửa 52, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại ấp An Khương, xã Mỹ An, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật và phù hợp theo qui định điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[7] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá ông Phạm Văn H tự nguyện chịu, đã được quyết toán xong nên không đề cập.

[9] Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự không tranh chấp và không có yêu cầu nào khác nên không đề cập xem xét.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn H được chấp nhận, nên bị đơn Trần Văn N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12, 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 165, 217, 218, 219 Điều 235, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 26, 106, 166, 170, 203 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H.

Buộc ông Trần Văn N và các thành viên gia đình ông Nhựt gồm ông (bà) Ngô Thị Lân, Trần Việt Phương, Trần Nhựt Bình, Trần Thanh Điền và Trần Nhựt Thủy phải trả lại phần đất lấn chiếm cho ông Phạm Văn H:

+ Đối với thửa 78 diện tích 127,4 m² (thửa 78a diện tích 5,3 m² + 78b diện tích 67,5 m² + 78c diện tích 54,6 m²) thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại ấp An Khương, xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

+ Đối với thửa 52 diện tích 7,6 m² (thửa 52a diện tích 3,2 m² + 52b diện tích 4,4 m²) thuộc một phần thửa 52, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại ấp An Khương, xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (*Độ dài, hình thể, tứ cận các thửa đất có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi của ông Phạm Văn H đối với thửa 78 diện tích 50,1 m² (thửa 78d) thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 35 và thửa 52 diện tích 169,3 m² (thửa 52c) thuộc một phần thửa 52, tờ bản đồ số 35 cùng tọa lạc tại ấp An Khương, xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Chi phí tố tụng: Các chi phí đo đạc, định giá ông Phạm Văn H tự nguyện chịu đã được quyết toán xong nên không đề cập.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội do ông Trần Văn N là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

Hoàn trả cho ông Phạm Văn H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0016357 ngày 12/6/2018 và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009504 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
- VKS nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương